TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST Ngày 14-3-2024 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước

Ông Huỳnh Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 2 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Số F ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Bị đơn: Ông Trà Ngọc K, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Số E đường N, khóm E, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng10 năm 2023 và lời trình bày của bà Lâm Thị T tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2007 bà T và ông Trà Ngọc K tự nguyện tổ chức lễ cưới đến tháng 09 năm 2015 đăng ký kết hôn giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố S, cấp ngày 28/9/2015. Hôn nhân ông bà chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2022 cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn bất đồng ý kiến, ông K ghen tuông, thường xuyên đánh bà T, hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được nữa, hạnh phúc không còn nên bà T xin ly hôn. Về con chung: Có 02 con chungtên Trà Tuấn K1, nam, sinh

ngày 03/8/2008; Trà Thị Diễm M, nữ, sinh ngày 16/08/2017. Hiện nay cháu đang sống chung với ông, bà. Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Về hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Trà Ngọc K.

Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trà Tuấn K1, nam, sinh ngày 03/8/2008; Trà Thị Diễm M1, nữ, sinh ngày 16/08/2017 đến khi đủ 18 tuổi. Ông Trà Ngọc K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Lâm Thị T đã nộp Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh cháu Trà Tuấn K1, nam, sinh ngày 03/8/2008; Trà Thị Diễm M1, nữ, sinh ngày 16/08/2017 (bản sao); Căn cước công dân có tên Lâm Thị T (chứng thực bản sao);

- Quá trình tố tụng bị đơn ông Trà Ngọc K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông Trà Ngọc K có ý kiến tại phiên hòa giải trình bày vào thời điểm kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung theo đơn khởi kiện của bà Lâm Thị T là đúng sự thật. Ông Trà Ngọc K không đồng ý ly hôn, vì ông còn thương vợ. Về con chung ông K mong muốn được trực tiếp nuôi con. Các vấn đề về tài sản chung, nợ chung thống nhất không có tranh chấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ông Trà Ngọc K không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà bà Lâm Thị T đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lâm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Trà Ngọc K và ông K cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với ông Trà Ngọc K vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông K.

[3] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do bà Lâm Thị T cung cấp và ông Trà Ngọc K không phản đối căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị T và ông Trà Ngọc K xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố S, cấp ngày 28/9/2015 nên hôn nhân ông, bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về yêu cầu ly hôn của bà Lâm Thị T: Sau thời gian chung sống thì bà T, ông K phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống, thường xuyên cải vã nhau; từ năm 2022 đến nay thì ông bà không còn sống chung với nhau, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đây là sự vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về con chung là hai cháu Trà Tuấn K1, nam, sinh ngày 03/8/2008; Trà Thị Diễm M1, nữ, sinh ngày 16/08/2017 hiện cháu đang được bà T nuôi dưỡng chăm sóc phát triển ổn định. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Trà Tuấn K1, nam, sinh ngày 03/8/2008; Trà Thị Diễm M1, nữ, sinh ngày 16/08/2017. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao hai cháu Trà Tuấn K1, nam, sinh ngày 03/8/2008; Trà Thị Diễm M1, nữ, sinh ngày 16/08/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; ông K không trực tiếp nuôi dưỡng con được thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở phù hợp theo quy định tại các Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông Trà Ngọc K cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Trà Tuấn K1, nam, sinh ngày 03/8/2008; Trà Thị Diễm M1, nữ, sinh ngày 16/08/2017 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về tài sản chung: Bà Lâm Thị T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung: Bà Lâm Thị T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn;Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, b Khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T:

1.1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị T được ly hôn với ông Trà Ngọc K.

1.2/. Về con chung: Giao cho bà Lâm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trà Tuấn K1, nam, sinh ngày 03/8/2008; Trà Thị Diễm M1, nữ, sinh ngày 16/08/2017.

Ông Trà Ngọc K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Trà Tuấn K1, nam, sinh ngày 03/8/2008; Trà Thị Diễm M1, nữ, sinh ngày 16/08/2017 theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.3/. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết.

1.4/. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001293ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Bà Lâm Thị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Võ Văn Như